

Bản án số: **23/2018/HS-ST**
Ngày 03 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Huế.
2. Ông Lê Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Hào, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đậu Công Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST-HS, ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với:

Bị cáo Phan Xuân N; sinh ngày 28 tháng 12 năm 1999 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Xuân V và bà Trương Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Ngày 23/02/2017, bị Công an huyện N ra Quyết định xử phạt hành chính số 24/QĐ-XPHC với số tiền 1.250.000 đồng về hành vi: “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chưa nộp tiền phạt theo Quyết định này; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 16/7/2013, bị Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời gian 24 tháng; chấp hành xong thời gian giáo dưỡng ngày 04/02/2014; Ngày 07/5/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; trong vụ án này bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An theo Bản án số 129/2018/HSST, ngày 07/5/2018 và Quyết định Thi hành án phạt tù số 236/2018/QĐ-CA, ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Trần Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Xóm 11, xã TH, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Chị Hà Thị T; sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Khối P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Anh Lê Quang T; sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Khối Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Xóm A, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Phùng T; sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Anh Trần Thanh T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Xuân T; sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Khối N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Anh Trần Anh Đ, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Khối N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Lương H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Xóm C, xã TK, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03 tháng 7 năm 2017 đến ngày 30 tháng 12 năm 2017 tại địa bàn thị trấn N và xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An, Phan Xuân N đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

1. Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 03/7/2017, Phan Xuân N đi bộ từ nhà đến Bệnh viện Đa khoa huyện N nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng Bệnh viện thấy không có người trông coi nên N đi vào sân Bệnh viện thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius, màu đỏ đen, BKS: 37E1-30072 của anh Trần Văn H (SN 1993), trú tại: Xóm 11, xã TH, huyện T, tỉnh Nghệ An. Kiểm tra xe không khoá cở N dắt bộ chiếc xe đi qua cổng chính Bệnh viện rồi rẽ trái khoảng 150 mét, sau đó rẽ phải ra cánh đồng khoảng 50 mét thì dừng xe lại. Tại đây, N đã tháo ổ cắm điện ở dưới ướm xe và dùng 01 sợi dây đồng dài khoảng 06cm (do N chuẩn bị trước) đầu nối vào ổ điện rồi nổ máy điều khiển xe theo QL46. Khi đi đến khu vực ngã ba đường rẽ vào quê nội chủ tịch Hồ Chí Minh thuộc xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An, N dừng xe lại tháo biển số 37E1-30072 vớt xuống đường rồi tiếp tục đi đến thành phố V. Do không tìm được nơi

để bán xe, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N điều khiển chiếc xe trên đi lên nhà anh Nguyễn Phùng T, trú tại: Xóm 1, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An nói là xe của N đã mất giấy tờ và bán cho anh T chiếc xe trên với giá 3.000.000 đồng.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Đàn xác định trị giá chiếc xe mô tô của anh Trần Văn H tại thời điểm bị N chiếm đoạt trị giá 10.000.000 đồng.

2. Vào khoảng 03 giờ ngày 06/7/2017, Phan Xuân N đi bộ từ nhà qua cổng sau của Viện kiểm sát nhân dân huyện N mục đích để tìm kiếm tài sản để trộm cắp, N phát hiện có 03 chiếc xe mô tô đang để ở gầm cầu thang của Viện kiểm sát, N đã kéo cửa sắt cổng phụ đi vào lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, màu đen trắng, BKS: 29X4- 6727 của chị Hà Thị T (SN 1985), trú tại: Khối P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau đó, N đã dắt bộ chiếc xe vừa trộm được đi đến khu vực cánh đồng trước Bệnh viện đa khoa huyện N tháo ổ cắm điện ở dưới ướm xe, rồi dùng 01 sợi dây đồng dài khoảng 06cm đầu nối vào ổ điện và nổ máy điều khiển đi đến thành phố V theo QL46. Đến khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, N đi vào khu vực bến xe tỉnh Quảng Bình gặp anh Trần Thanh T (SN 1972), trú tại: Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, N nói với anh T là N đang cần tiền và bán chiếc xe cho anh T với số tiền 2.500.000 đồng.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Đàn xác định trị giá chiếc xe mô tô của chị Hà Thị T tại thời điểm bị N chiếm đoạt trị giá 10.000.000 đồng.

3. Vào khoảng 03 giờ ngày 16/7/2017, Phan Xuân N đi bộ từ nhà đến Bệnh viện đa khoa huyện N thì N phát hiện phía trong sân có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen - bạc, BKS: 37M1-70039 của anh Lê Quang T (SN 1984), trú tại: Khối Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Quan sát thấy xung quanh không có người, xe không khóa cổ, nên N đã lấy trộm chiếc xe nói trên, dắt bộ đi ra khỏi Bệnh viện rồi đi ra khu vực cánh đồng trước cổng bệnh viện tháo biển số xe 37M1-70039 vứt xuống ruộng, sau đó N dùng 01 sợi dây đồng đầu nối vào ổ điện và nổ máy điều khiển đến thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, N điều khiển xe về thị trấn N gặp anh Nguyễn Xuân T (SN 1993), trú tại: Khối S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An để cầm cố chiếc xe mô tô trên. Tài không có tiền nên đã gọi cho Trần Anh Đ (SN 1991), trú tại: Khối S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An để mượn số tiền 3.000.000 đồng đưa cho N thì N. Cầm tiền về. Sau đó, khoảng 05 phút thì Đ phát hiện chiếc xe mà N cầm cố không có biển số nên Đ đã gọi điện cho T và T đã tìm N lấy lại số tiền 3.000.000 đồng, còn Đ đã đến Công an huyện Nam Đàn giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Công an huyện Nam Đàn.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Đàn xác định trị giá chiếc xe mô tô của anh Lê Quang T tại thời điểm bị N chiếm đoạt trị giá 15.000.000 đồng.

4. Vào khoảng 23 giờ ngày 30/12/2017, Phan Xuân N đi bộ từ nhà đến khu vực xóm A, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An thì Nam thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại DREAM, màu nâu, BKS: 37M1-527.55 của chị Nguyễn Thị L (SN 1960), trú tại: Xóm A, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An đang dựng ở trước sân nhà của chị L. Quan sát xung quanh không có người, chìa khóa xe đang để ở ổ khóa điện, nên Nam đã lấy trộm chiếc xe trên điều khiển xe đến khu vực đường Nguyễn Thiếp thuộc khối 3, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An thì xe hết xăng. N đã bỏ chiếc xe mô tô, nhãn hiệu DREAM, BKS: 37M1-527.55 của chị Nguyễn Thị L lại, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã thu hồi chiếc xe mô tô trên và trả lại cho chị Nguyễn Thị L.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản của UBND thành phố Vinh xác định trị giá chiếc xe mô tô là tài sản của chị Nguyễn Thị L tại thời điểm bị Phan Xuân N chiếm đoạt có trị giá 3.200.000 đồng.

Như vậy, tổng số trị giá 04 chiếc xe mô tô mà Phan Xuân N đã chiếm đoạt có trị giá là 38.200.000 đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSND, ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An truy tố Phan Xuân N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Bị cáo Phan Xuân N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 71, Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Phan Xuân N mức án tù 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 24 tháng tù tại bản án số 129/2018/HSST, ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 36 đến 39 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2018. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn H, chị Hà Thị T, anh Lê Quang T, bà Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Phùng T số tiền 3.000.000 đồng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị hại Trần Văn H, chị Hà Thị T, anh Lê Quang T, bà Nguyễn

Thị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, không có yêu cầu gì về dân sự và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt. Anh Nguyễn Phùng T có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 3.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Tòa giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Đàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về luật áp dụng: Theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi của bị cáo Phan Xuân N được thực hiện trước 00 giờ ngày 01/01/2018 nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo theo trình tự, thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; những người liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt; người liên quan anh Nguyễn Phùng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phan Xuân N đã khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03 tháng 7 năm 2017 đến ngày 30 tháng 12 năm 2017 tại địa bàn thị trấn N và xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An, Phan Xuân N đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút thực hiện 04 hành vi trộm cắp tài sản của người khác với tổng số giá trị tài sản chiếm đoạt là 38.200.000 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 03/7/2017, tại Bệnh viện đa khoa huyện N, tỉnh Nghệ An, Phan Xuân N thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius, màu đỏ đen, BKS: 37E1-30072 của anh Trần Văn H trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Lần thứ 2: Vào khoảng 03 giờ ngày 06/7/2017, tại Khối P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An, Phan Xuân N thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, màu đen trắng, BKS: 29X4-6727 của chị Hà Thị T trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Lần thứ 3: Vào khoảng 03 giờ ngày 16/7/2017, tại Bệnh viện đa khoa huyện N, tỉnh Nghệ An, Phan Xuân N thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen - bạc, BKS: 37M1-70039 của anh Lê Quang T trị giá 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Lần thứ 4: Vào khoảng 23 giờ ngày 30/12/2017, tại xóm 6, xã Xuân Hoà, huyện Nam Đàn, Phan Xuân N thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại DREAM, màu nâu, BKS: 37M1-527.55 của chị Nguyễn Thị L trị giá 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Hành vi của Phan Xuân N đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với giá trị mỗi lần chiếm đoạt là trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 07/5/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng hành vi bị Tòa án nhân dân thành phố V xét xử được thực hiện sau khi thực hiện các hành vi bị xét xử ngày hôm nay nên không thuộc trường hợp tái phạm theo quy định của pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 16/7/2013, bị Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời gian 24 tháng; chấp hành xong thời gian giáo dưỡng ngày 04/02/2014. Ngày 23/02/2017, bị Công an huyện N ra Quyết định xử phạt hành chính số 24/QĐ-XPHC với số tiền 1.250.000 đồng về hành vi: "Cố ý gây thương tích", bị cáo chưa nộp tiền phạt theo Quyết định này. Vì vậy cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm

tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Mặt khác trong 04 lần thực hiện hành vi phạm tội thì có 03 lần bị cáo thực hiện hành vi khi chưa đủ 18 tuổi nên phần nào hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Vì vậy bị cáo được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 để lên một mức án phù hợp nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị về mức án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo bản án số 129/2018/HSST, ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An có hiệu lực pháp luật nên cần áp Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 để tổng hợp hình phạt chung của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Xét tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn H, chị Hà Thị T, anh Lê Quang T, bà Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Phùng T là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius, màu đỏ đen, BKS: 37E1-30072 do bị cáo trộm cắp của anh Trần Văn H với giá 3.000.000 đồng nhưng khi mua xe anh T không biết tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với anh T là có căn cứ. Chiếc xe mô tô này đã thu hồi trả lại cho bị hại còn số tiền bán xe, bị cáo đã tiêu xài cá nhân. Anh T yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền 3.000.000 đồng đã mua xe của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi hoàn lại số tiền đã nhận của anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo theo quy định tại Điều 127, Điều 131 Bộ luật Dân sự.

Anh Trần Thanh T là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, màu đen trắng, BKS: 29X4- 6727 do bị cáo trộm cắp của chị Hà Thị T với giá 2.500.000 đồng nhưng khi mua xe anh T không biết tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với anh T là có căn cứ. Số tiền này bị cáo đã tiêu xài cá nhân. Tại phiên tòa anh T vắng mặt và chưa có yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi anh T có yêu cầu sẽ được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra thu giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius, màu đỏ đen, không gắn biển kiểm soát; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, màu đen trắng, BKS: 29X4- 6727; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen - bạc, không gắn biển kiểm soát; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại DREAM, màu nâu, BKS: 37M1-527.55. Cơ quan Điều tra đã tiến hành trả lại các tài sản trên cho bị hại là chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Liên quan trong vụ án còn anh Nguyễn Xuân T và anh Trần Anh Đ, trú tại thị trấn N, huyện N là những người nhận cầm cố, cho mượn tiền để nhận cầm cố tài sản do Phan Xuân Nam trộm cắp mà có nhưng khi mua, nhận cầm cố, cho mượn tiền để cầm cố họ không biết đó là tài sản do Phan Xuân N trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự là đúng quy định pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51, Điều 69, Điều 71, Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt bị cáo Phan Xuân N 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 24 (Hai mươi tư) tháng tù tại bản án số 129/2018/HSST, ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 127, Điều 131 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho anh Nguyễn Phùng T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phan Xuân N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Nam Đàn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Lại

